**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BẮC BÌNH**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH-TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Tuấn Anh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1.Ông Bá Đình Tâm

2.Ông Nguyễn Ngọc Minh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa :*** Ông Trần Thông - Kiểm sát viên.

Ngày **24** tháng **10** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 120/ 2019/ TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn và chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 30/9/2019 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng Tr, sinh năm 1978(có mặt)

-Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố HP, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

1.Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống ở nhà chị Tr tại khu phố HP, thị trấn CL được một năm thì vợ chồng ra tạo lập cuộc sống riêng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị Tr, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không thể tiếp tục chung sống với anh T được

nữa nên chị Tr bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, chị Tr suy nghĩ tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Tr về thời gian chung sống vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Nay chị Tr không muốn chung sống với anh T nên bỏ về nhà mẹ ruột ở từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

3.Về tài sản chung: Quá trình xác minh tòa án xác minh thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Hồng Tr rút lại yêu cầu chia tài sản chung, anh Nguyễn Thanh T đồng ý. Xét thấy việc rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Không.

Tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Hồng Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thanh T theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình kiểm sát việc xét xử và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 và khoản 2 Điều 196, Điều 175, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự qui định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy: Chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T sống chung với nhau từ năm 2007 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị xử không công nhận chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Tr rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung vợ chồng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên đình chỉ một phần chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên chị Trần Thị Hồng Tr yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thanh T là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007 cho đến nay, đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.Vì vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên chị Tr không tiếp tục sống chung với anh T và yêu cầu ly hôn theo qui định pháp luật, anh T đồng ý và đề nghị xử hôn nhân giữa họ không phải là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận không công nhận chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

[3]Về con chung: Không có.

[4]Tài sản chung: Quá trình xác minh tòa án xác minh thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Hồng Tr rút lại yêu cầu chia tài sản chung, anh Nguyễn Thanh T đồng ý. Xét thấy việc rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Tr phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu ly hôn. Do chị Trần Thị Hồng Tr rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 38, Điều 51; khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Xử***:[1]Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Hồng Tr và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

[2]Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số 0016219 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Hồng Tr số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016219 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BB.
- Đương sự
- UBND TT CL
- Lưu HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**